

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

(Số: 01012026/HĐNT/ THĂNGLONG -HONGHA)

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ban hành vào ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thương mại của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào nhu cầu của mỗi bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026 tại Công ty TNHH Chế biến thực phẩm sạch Hồng Hà

BÊN A (Bên bán): CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ

Địa chỉ: Cụm 8, Thôn Tiên Tân, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0975386979

Mã số thuế : 0111089860

Người đại diện: **Bà Phạm Thị Thanh**

Chức vụ: Giám đốc

Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH RAU SẠCH THĂNG LONG

Địa chỉ: Số 14 Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0110405961

Điện thoại: 0989451413

Người đại diện: **Mai Danh Hiệu**

Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau thoả thuận ký kết Hợp đồng mua bán với các Điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi và đối tượng của hợp đồng

Bên A đồng ý bán cho Bên B và bên B đồng ý mua của bên A các sản phẩm làm từ hạt đỗ tương (đậu phụ,...) theo các điều kiện quy định tại hợp đồng này ("được gọi là Hàng Hóa") với mục đích sử dụng để chế biến thực phẩm cho trường học và các bếp ăn.

Các sản phẩm thực phẩm do Bên A kinh doanh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, số lượng, chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của bên B và phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam.

Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán.

2.1. Giá cả: Giá cả được hai bên thống nhất và ổn định thực hiện theo tháng đối với từng loại mặt hàng(có báo giá cụ thể kèm theo). Khi giá cả thị trường có nhiều thay đổi thì hai bên sẽ thoả thuận và điều chỉnh giá cho phù hợp. Trong trường hợp bên A



chủ động tăng giá mà chưa có sự chấp thuận của bên B, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.

2.2. Hàng tuần bên A đối chiếu chốt số lượng và tiền hàng với bên B. Bên B sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A trong khoảng thời gian 02 ngày kể từ ngày chốt số lượng. Việc thanh toán dựa theo biên bản đối chiếu có đầy đủ xác nhận của hai bên.

Điều 3: Phương thức đặt hàng

3.1. Bên B đặt hàng cho Bên A thông qua các hình thức sau:

+ Qua điện thoại và zalo số: 0379990246

3.2. Thời gian đặt hàng: Bên B gửi đơn đặt hàng dự kiến của tuần tiếp theo cho bên A vào ngày thứ 7 của tuần trước. Bên B có thể điều chỉnh số lượng đơn hàng cụ thể muộn nhất 18h trước ngày lấy hàng.

Điều 4: Giao hàng và vận chuyển

4.1. Địa điểm giao hàng: Toàn bộ hàng hoá được giao nhận tại cơ sở chế biến của bên B theo quy định.

4.2. Thời gian giao hàng: Bên A giao hàng theo đúng yêu cầu đơn đặt hàng của bên B, về chất lượng, số lượng và thời gian từ 4h00 – 06h00 hàng ngày cho tất cả các ngày trong tuần (Kể cả ngày nghỉ, ngày lễ nếu Bên B yêu cầu).

4.3. Phí vận chuyển, bốc dỡ: Do bên A chịu.

Điều 5: Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên A

5.1. Bên A đảm bảo xe chở giao hàng phải đúng chủng loại. Khoang chở hàng hóa, thực phẩm thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh ATTP...

5.2. Không được sử dụng bất kỳ phụ gia, hoá chất chưa đăng ký, kiểm nghiệm hoặc chưa được phép của các cơ quan chức năng để bảo quản hàng hoá.

Điều 6: Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên B

6.1. Bên B thông báo chính xác ngày, giờ, và số lượng hàng hoá cần cung cấp cho bên A theo yêu cầu cụ thể của bên B.

6.2. Bên B thông báo địa điểm giao nhận hàng chính xác cho bên A.

6.3 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số tiền hàng phát sinh hàng tháng cho Bên A.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

7.1 Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp như sau:

- Bên A không đủ năng lực thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng trong 2 tháng liên tục.
- Bên B không thanh toán tiền hàng hoặc chuyển khoản chậm 07 ngày
- Hai bên nhất trí chấm dứt hợp đồng bằng văn bản.
- Khi một bên ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố phá sản.
- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng.



7.2 Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa bên A giao cho bên B có chất lượng quá kém hoặc gây ảnh hưởng đến sức khỏe (thương tật hoặc tử vong) cho con người.
- Hàng hóa bên A giao cho bên B không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, hàng có lỗi hoặc số lượng không chuẩn xác, hoặc thay vì phải bổ sung hàng đúng thì lại bổ sung hàng kém chất lượng.
- Hàng hóa bên A giao cho bên B không phù hợp với tiêu chuẩn quy định của nhà nước.
- Bên A giao hàng dưới hình thức không rõ ràng.
- Bên A căn cứ theo pháp luật buộc phải tiến hành quy trình cải tổ hoặc quyết toán lại, hoặc buộc phải phá sản dừng kinh doanh nhưng bên bán từ chối làm việc, ngừng thanh toán đối chiếu tất cả các chứng từ.
- Trong trường hợp hợp đồng này chấm dứt, bên A sẽ đối chiếu các khoản công nợ và bên B sẽ thanh toán cho bên A các khoản phải trả sau khi hoàn tất việc đối chiếu bù trừ các khoản phải thu và phải trả.

Điều 8: Những điều khoản thi hành

8.1. Hai bên cam kết cùng nhau phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng những thỏa thuận trong hợp đồng này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết; mọi sự thay đổi trong hợp đồng này phải được lập thành phụ lục và được hai bên cùng nhau ký kết xác nhận.

8.2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ nhờ đến sự phân xử của Toà án Kinh tế Thành phố Hà Nội; chi phí Toà án do bên thua kiện chi trả.

Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/05/2027, trường hợp hợp đồng hết hiệu lực nhưng 2 bên vẫn diễn ra hoạt động mua bán thì hợp đồng tiếp tục được gia hạn.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Mai Danh Hiệu

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0111089860

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
SẠCH HỒNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG HA CLEAN FOOD PROCESSING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HONG HA CLEAN FOOD PROCESSING CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm 8, Thôn Tiên Tân, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975395146

Fax:

Email: honghafood2025@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: PHẠM THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/01/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177030113

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 17, ngõ 472, đường Hồng Hà, Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan
Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

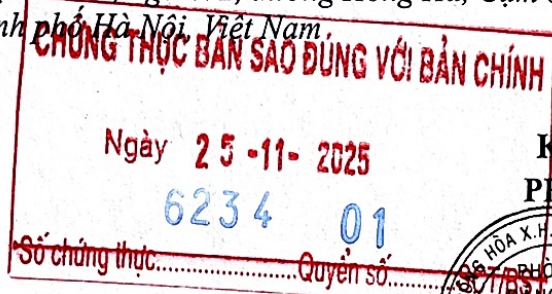
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177030113

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về
Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 17, ngõ 472, đường Hồng Hà, Cụm 8, Xã Hồng Hà, Huyện Đan
Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Trần Anh Đức



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Sớm

Citizen Identity Card

Số / No. 001177030113

Họ và tên / Full name.

PHAM THI THANH

Ngày sinh / Date of birth: 01/01/1977

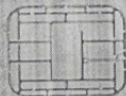
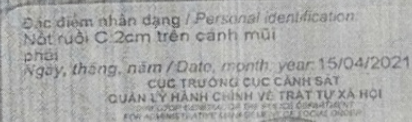
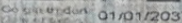
Giới tính / Sex: Nữ Quốc tịch / Nationality: Việt Nam

Quê quán / *Place of origin:*

Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội

Nơi thường trú / *Place of residence* Cúm 8

Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội



Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Phạm Công Nguyên

IDVNM1770301137001177030113<<8
7701018F3701010VNM<<<<<<<<<4
PHAM<<THI<THANH<<<<<<<<<<<<<

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: **CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: **0111089860**

Địa chỉ/ Address: **Cụm 8, thôn Tiên Tân, xã Ô Diên, thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0975.395.146**

Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations

for following products:

1. Sản xuất đậu phụ không bao gói sẵn - sản lượng: 550kg/ngày/.

Số cấp/ Number: **123** / **2025** / NNMT-HAN

Có hiệu lực đến ngày **18** tháng **7** năm **2028**

Valid until (date/mont/year) **18/7/2028**

Và thay thế giấy chứng nhận số:

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **4123** / **01/2025** / **SCT/BS**

Hà Nội, ngày **18** tháng **7** năm **2025**, day/month/year

Ngày: **06-08-2025**

TUQ. CHỦ TỊCH

CHÁNH VĂN PHÒNG HỢNG VÀ UBND XÃ



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Văn Tường

Nguyễn Hoàng Thanh

MAU GIAY KHAM SUC KHOE DUNG CHO NGUOI TU DU 18 TUOI TRU LÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167102/KSK-BYDP



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): PHAM THI THANH

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

3. Sinh Ngày 01 tháng 01 năm 1977 (Tuổi: 49)

4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001177030113

5. Cấp ngày 15/10/2021 Tại Cục trưởng cục Cảnh Sát

6. Chỗ ở hiện tại: Lũy X, Hồng Hà, ô Đùn, Hà Nội

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Khám sức khỏe

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

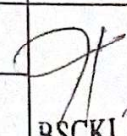
I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 1.67 cm; - Cân nặng: 57 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: II

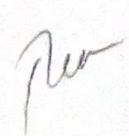
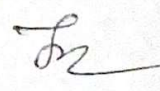
II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa			
a) <i>Tuần hoàn</i>		Bình thường	 BSCKI Vũ Thị Hằng
Phân loại		II	
b) <i>Hô hấp</i>		Bình thường	
Phân loại		II	
c) <i>Tiêu hóa</i>		Bình thường	
Phân loại		II	
d) <i>Thận-Tiết niệu</i>		Bình thường	
Phân loại		II	

d)	Nội tiết	Bs Huỳnh	
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	Bs Huỳnh	
	Phân loại	II	
g)	Thần kinh	Bs Huỳnh	BSCKI Vũ Thị Hằng
	Phân loại	II	
h)	Tâm thần	Bs Huỳnh	
	Phân loại	II	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	BS Huỳnh	BSCKI. Phạm Thị Hằng
	Phân loại:	II	
	- Da liễu:	Bs Huỳnh	
	Phân loại:	A	BSCKI Vũ Thị Hằng
3.	Sản phụ khoa:	Bs Huỳnh	
	Phân loại:	II	Đ. Khắc Tâm
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải.....10/10..... Mắt trái.....10/10.....			BSCKI Trần Thị Hằng
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 M Lão thị			
Phân loại: II			
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			BS Trần Thị Hằng
Tai trái: Nói thường.....15.....m; Nói thầm.....1m.....m			
Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
	Phân loại:	I	
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: Bs Huỳnh			BS Nguyễn Văn Hùng
Hàm dưới:			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
	Phân loại:	II	



III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,57 T/L Số lượng Bạch cầu: 6,8 G/L Số lượng tiểu cầu: 308 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,0 mmol/L Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 CN. Nguyễn Thị Thu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hình ảnh X-quang tim phổi thẳng bình thường	 BS. Nguyễn Bá Dũng

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: II (loại, thu)
- Các bệnh, tật (nếu có):

Họ NGI ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



★ BS. Nguyễn Thị Kim Hoa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



Họ và tên (viết chữ in hoa):

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sinh Ngày 11 tháng 06 năm 1998 (Tuổi: 28.....)

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 001098009057

Cấp ngày 9/10/2023 Tại Cục trưởng Cục Cảnh Sát

Chỗ ở hiện tại: Ngũ Hương Lối, Hồng Hà, Ô Môn, Hải Phòng

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 170 cm; - Cân nặng: 73 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 65 lần/phút; - Huyết áp: 125 / 78 mmHg

Phân loại thể lực: II

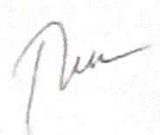
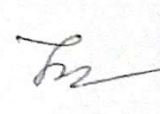
II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	<u>KS Hoàng</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	
b)	Hô hấp	<u>KS Hoàng</u>	<u>BSCKI Hoàng Thị Ngọc</u>
	Phân loại	<u>II</u>	
c)	Tiêu hóa	<u>KS Hoàng</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	
d)	Thận-Tiết niệu	<u>KS Hoàng</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	

d)	Nội tiết	Bs Hùng	
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	Bs Hùng	
	Phân loại	II	BSCKI Vũ Thị Hằng
g)	Thần kinh	Bs Hùng	
	Phân loại	II	
h)	Tâm thần	Bs Hùng	
	Phân loại	II	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	Bs Hùng	BSCKI Phạm Thị Hằng
	Phân loại:	II	
	- Da liễu:	Bs Hùng	BSCKI Vũ Thị Hằng
	Phân loại:	I	
3.	Sản phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10			
Có kính: Mắt phải Mắt trái			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại: I			BSCKI Trần Thị Nữ
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 10m			
Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			BSCKI Trần Thị Hằng
Phân loại: I			
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: Bs Hùng			
Hàm dưới:			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			BSCKI Nguyễn Tiến Hằng
Phân loại: I			



III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,4 T/L Số lượng Bạch cầu: 8,9 G/L Số lượng tiểu cầu: 301 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,7 mmol/L Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 N. Nguyễn Thị Thu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hở nhẹ sang trái phổi nhẹ cấp tính	 BS. Nguyễn Bá Đăng

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: I (loại, hậu)
- Các bệnh, tật (nếu có):

Hà Nội ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS CKI. Nguyễn Thị Kim Hoa

MAU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 701093/GKSK-BVĐP

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): H A T H I L U A N
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh Ngày 23 tháng 09 năm 1971 (Tuổi: 52)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/dịnh danh CD: 001174017032
5. Cấp ngày 25/10/2021 Tại Cục trưởng cục Cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Vạn Thắng 1, Hàng Hối, 8 Duan, Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Số 5/2023

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)



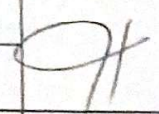
I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 160 cm; - Cân nặng: 62 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	<u>BS Hg</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	
b)	Hô hấp	<u>BS Hg</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	
c)	Tiêu hóa	<u>BS Hg</u>	BSCKI Vũ Thị Hằng
	Phân loại	<u>II</u>	
d)	Thận-Tiết niệu	<u>BS Hg</u>	
	Phân loại	<u>II</u>	

d)	Nội tiết	158 Hg	
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	158 Hg	
	Phân loại	II	
g)	Thần kinh	158 Hg	BSCKI Vũ Thị Hương
	Phân loại	II	
h)	Tâm thần	158 Hg	
	Phân loại	II	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		BSCKI Phạm Thị Hương
	- Ngoại khoa:	158 Hg	
	Phân loại:	II	
	- Da liễu:	158 Hg	BSCKI Vũ Thị Hương
	Phân loại:	II	
3.	Sản phụ khoa:	158 Hg	BSCKI Vũ Thị Hương
	Phân loại:	II	BSCKI Vũ Thị Hương
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực:		Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
		Có kính: Mắt phải Mắt trái	
Các bệnh về mắt (nếu có):		2/14 lão thị	BSCKI Vũ Thị Hương
Phân loại:		II	
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 10 m			
Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			BSCKI Trần Thị Hồng
Phân loại:		I	
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		Hàm trên: 158 Hg	
		Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			BSCKI Nguyễn Văn Sơn
Phân loại:		II	

Nội dung khám	ĐA THU TIỀN Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,67 T/L Số lượng Bạch cầu: 6,0 G/L Số lượng tiểu cầu: 262 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,8 mmol/l Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	<i>[Signature]</i> CN. Nguyễn Thị Thu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): <i>Hình ảnh X-quang tim phổi thẳng bình thường</i> BS. Nguyễn Bá Dũng	<i>[Signature]</i>

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: II (loại, hai)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hà Nội ngày 17 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. Nguyễn Thị Kim Hoa

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 15 TUỔI TRỞ LÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023-TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123456789 GSK-BVDP

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ HẠ
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày 01 tháng 10 năm 1975 (Tuổi: 51)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001175006100
5. Cấp ngày 29/10/2024 Tại Cục Cảnh sát
6. Chẩn hiện tại:

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Kiểm tra sức khỏe

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 166 cm; - Cân nặng: 57 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 65 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 80 mmHg

Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa			
a) Tuần hoàn	Kiểm	Thường	
Phân loại		II	
b) Hô hấp	Kiểm	Thường	
Phân loại		II	
c) Tiêu hóa	Kiểm	Thường	
Phân loại		II	
d) Thận-Tiết niệu	Kiểm	Thường	
Phân loại		II	

[Signature]
BSCKI Vũ Thị Hồng

d)	Nội tiết	BS Hưng	
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	BS Hưng	
	Phân loại	II	
g)	Thần kinh	BS Hưng	BSCKI Vũ Thị Hằng
	Phân loại	II	
h)	Tâm thần	BS Hưng	
	Phân loại	II	

2. Ngoại khoa, Da liễu:

- Ngoại khoa:

Phân loại:

- Da liễu:

Phân loại:

Sân phụ khoa:

Phân loại:

4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/100 Mắt trái 10/100

Có kính: Mắt phải Mắt trái

Các bệnh về mắt (nếu có):

Phân loại:

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m

Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Phân loại:

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên: 15 m; Hàm dưới: 15 m

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):

Phân loại:



BSCKI. Phạm Thị Hương

BSCKI Vũ Thị Hằng

BSCKI Trần Thị Tâm

BSCKI Trần Thị Nữ

BS Trần Thị Hiền

BSCKI Nguyễn Văn Tiến Hùng

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	ĐÃ THU TIỀN Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4,49 T/L Số lượng Bạch cầu: 8,8 G/L Số lượng tiểu cầu: 299 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,3 mmol/L Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	Rư CN. Nguyễn Thị Thu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Hình ảnh Xquang tim phổi thẳng bình thường	B Nguyễn Bá Dũng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: I (loại I, Hai)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hà Nội ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đã ký Nguyễn Thị Kim Hoa

MẠC GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐAN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 7070/GKSK-BVĐP



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

- Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN HỮU DAI
- Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
- Sinh Ngày 02 tháng 01 năm 2008 (Tuổi: 18)
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001208015426
- Cập ngày 3/10/2025 Tại Cục Trồng cây cảnh Sài
- Chở ở hiện tại: Lũy 8, C. P. H. H. H. H.

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe: Kó Sg Kó Sg

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng màng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 168 cm; - Cân nặng: 67 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa			
a) <i>Tuần hoàn</i>		KS Hưng	 SCKI Vũ Thị Hằng
Phân loại		II	
b) <i>Hô hấp</i>		KS Hưng	
Phân loại		II	
c) <i>Tiêu hóa</i>		KS Hưng	
Phân loại		II	
d) <i>Thận-Tiết niệu</i>		KS Hưng	
Phân loại		II	

d)	Nội tiết		
	Phân loại	II	
e)	Cơ - xương - khớp	II	
	Phân loại	II	
g)	Thần kinh	II	
	Phân loại	II	BSCKI Vũ Thị Hằng
h)	Tâm thần	II	
	Phân loại	II	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	BSCKI Phạm Thị Hương	
	Phân loại:	II	
	- Da liễu:		
	Phân loại:		
3.	Sản phụ khoa:		BSCKI Vũ Thị Hằng
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/40 Mắt trái 10/40			
Có kính: Mắt phải Mắt trái			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			BSCKI Trần Thị Hồng
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15 m; Nói thầm 105 m			
Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:			BSCKI Trần Thị Hồng
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám: Hàm trên: 1/25 Hàm dưới: 1/25			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại:			BSCKI Nguyễn Văn Hùng



III. KHAM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,0 TIL Số lượng Bạch cầu: 6,7 GIL Số lượng tiểu cầu: 294 GIL b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,5 mmol/l Urê: _____ Creatinin: _____ ASAT(GOT): _____ ALAT (GPT): _____	TS. Nguyễn Thị Thu
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: _____ b) Protein: _____ c) Khác (nếu có): _____	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Huyết áp tăng, tim bình thường, phổi bình thường	TS. Nguyễn Bá Dũng

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: I (Loại Hai)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hà Nội ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS CKI Nguyễn Thị Kim Hoà



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước sản xuất
2. Mã số mẫu: 06269740/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ
Địa chỉ: Cụm 8 Thôn Tiên Tân, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 08/06/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 08/06/2026 - 18/06/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa nắp xoáy, 5 l/chai.
Thông tin mẫu viết tay, dán trên chai.
Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	< 1
9.2*	<i>E. coli</i>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	< 1
9.3*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/100 mL	< 1
9.4*	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B:2023	CFU/100 mL	< 1
9.5*	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	SMEWW 4500-NH ₃ :2023	mg/L	KPH (LOD: 0,01)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	TCVN 13092:2020	mg/L	KPH (LOD: 0,00015)
9.7*	Hàm lượng Clo dư tự do	NIFC.03.M.33 (TCVN 6225-1: 2012)	mg/L	KPH (LOD: 0,10)
9.8*	Permanganat	NIFC.03.M.30 (Ref. TCVN 6186:1996)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,45)
9.9*	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,12
9.10*	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	< LOQ (LOQ: 0,1)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.11*	Mùi	SMEWW 2150B:2023	-	Không có mùi lạ
9.12*	pH	TCVN 6492:2011	-	6,13

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.

10.2. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử;

10.3. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);

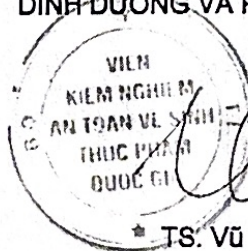
10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

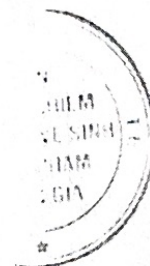
10.6. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/kiểu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/kiểu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



* TS. Vũ Thị Trang



Số/ No.: VLAB0-251007-030/1

Ngày phát hành/ Issued date : 18/10/2025
Trang/ Page : 1/3

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Cụm 8, thôn Thiên Tân, xã Ô Diên, TP Hà Nội, Việt Nam**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **07/10/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **07/10/2025 đến 18/10/2025**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **Đậu phụ Bá Giang**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu đựng trong hộp nhựa/ Sample in plastic box**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (a) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (b) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (f) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
 - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Nguyễn Ngọc Hân	 Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Cần Thơ City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Văn Lầu Street, Vĩnh Trạch Ward, Cà Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Cà Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251007-03071
0316652523 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
VIETLABS
TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngày phát hành/ Issued date : 18/10/2025
Trang/ Page : 2/3

Kết quả result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/Enumeration of aerobic microorganism	$1,5 \times 10^5$	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)
2.	Định lượng E.coli dương tính với β -glucuronidase/Enumeration Escherichia coli β -glucuronidase positive	<10	CFU/g	-	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)
3.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	<10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)
4.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	<10	CFU/g	-	AOAC 975.55(a)
5.	Phát hiện Salmonella spp./Detection of Salmonella spp.	KPH/ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)
6.	Định lượng Clostridium perfringens/Enumeration of Clostridium perfringens	<10	CFU/g	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)
7.	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc/Total number of yeast and mold spores	<10	CFU/g	-	VLAB-MI-TP-125 (Ref. TCVN 8275-1 :2010) (a)
8.	Màu sắc/Color	Màu trắng ngà đặc trưng của đậu phụ	-	-	Cảm quan
9.	Mùi vị/Taste, odor	Mùi thơm, vị béo nhẹ, không có mùi vị lạ	-	-	Cảm quan
10.	Aflatoxin tổng số/Aflatoxin total	KPH/ND	$\mu\text{g/kg}$	2	VLAB-CH-TP-599(a)
11.	Aflatoxin B1	KPH/ND	$\mu\text{g/kg}$	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
12.	Độ ẩm/Moisture content	82,1	%	-	VLAB-CH-TP-101

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Văn Lầu Street, Vĩnh Trạch Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VLAB-QM-LOP-023/F01

Số/ No.: VLAB0-251007-030/1

Ngày phát hành/ Issued date : 18/10/2025
Trang/ Page : 3/3

13.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
14.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
15.	Năng lượng/Calories	106	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
16.	Hàm lượng protein/Protein content	11,6	g/100g	-	TCVN 10034:2013(a)
17.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	2,7	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
18.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	5,38	g/100g	-	VLAB QM-TP-106(a)
19.	Hàm lượng Xơ tiêu hóa /Total Dietary fiber content	0,64	g/100g	-	AOAC 985.29(a)

Ghi chú/ Remark(s): không có/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

(V/v Cung cấp đậu tương hạt.)

Số: 0111089860/2026/HĐNT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO HOÀNG GIA – ORGANICS chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO HOÀNG GIA – ORGANICS

Địa chỉ trụ sở: Số 17 ngõ 18 Đường Công Tây, Xã Ô Diên, Thành Phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0111010204

Đại diện ông(bà) : PHẠM NHƯ HÙNG

Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 998699986 Tại: Ngân hàng TMCP Quân đội -Chi nhánh Đan Phượng

SĐT: 0989092986

Email: cpuvietsnam.hn@gmail.com

BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SẠCH HỒNG HÀ

Địa chỉ : Cụm 8, Thôn Tiên Tân, Xã Ô Diên, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0975386979

Mã số thuế : 0111089860

Đại diện ông(bà) : PHẠM THỊ THANH Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung cấp cho Bên B hạt đậu tương loại 1

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG GIÁ CẢ

2.1 Tên hàng: Hạt đậu tương

2.2 Số lượng: Số lượng hàng hóa cụ thể theo từng đợt cấp hàng được xác định bằng



đơn hàng của bên B

2.3 Đơn giá bên A sẽ báo giá cho bên B theo từng thời điểm bên B lấy hàng và được thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng để làm căn cứ thanh toán.

ĐIỀU 3: QUY CÁCH VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

3.1 Hạt đậu tương do bên A giao cho bên B phải rõ nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

3.2 Chấp lượng hàng hóa theo đúng mẫu bên B yêu cầu đặt hàng.

3.3 Hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn, để đảm bảo vận chuyển.

ĐIỀU 4: HÌNH THỨC THANH TOÁN

4.1 Tài khoản và hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A vào tài khoản công ty theo hóa đơn bên A xuất cho bên B như sau:

Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO HOÀNG GIA – ORGANICS**

Số tài khoản: 998699986 Tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đan Phượng

4.2 Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán công nợ cho bên A vào ngày 20 hàng tháng nếu quá thời hạn trên bên B không thanh toán đầy đủ cho bên A thì bên A có quyền tính lãi suất quá hạn theo lãi suất ngân hàng.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN - THỜI GIAN GIAO HÀNG

5.1 Phương thức giao nhận: Bên A sẽ cung cấp đầy đủ số lượng theo đơn đặt hàng của bên B, Bên B báo trước 1 ngày về số lượng

5.2 Thời gian nhận hàng: Tùy thuộc vào từng đơn hàng cụ thể

5.3 Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho Bên B, Chi phí vận chuyển bên A chịu trách nhiệm

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

6.1 Trách nhiệm Bên B:

- Thông báo đơn hàng cho bên A trước 01 ngày trước khi lấy hàng
- Thanh toán cho bên A theo Điều 4 của hợp đồng này.
- Thông báo cho bên A địa điểm tập kết hàng, ký biên bản giao nhận hàng sau khi kết thúc công việc bàn giao hàng hóa.
- Cử cán bộ kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa trước khi nhận hàng.
- Bên B tự chịu trách nhiệm về hao hụt, tổn thất khối lượng và chất lượng hàng hóa trong mọi trường hợp sau khi hàng hóa đã được giao.

01020
CÔNG
TY TNHH
DƯỢC B
HOÀNG
ORGAN
NH PHỐ

6.2 Trách nhiệm Bên A

- Cung cấp giấy tờ liên quan đến nguồn gốc hàng hoá, giấy tờ kiểm dịch thực vật hoặc an toàn thực phẩm từng lô hàng theo quy định.
- Bên A cung cấp hàng hóa đúng tiêu chuẩn, số lượng Bên B yêu cầu.
- Giao hàng đúng thời gian địa điểm đã thống nhất.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên B.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

7.1 Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, những điều khoản theo quy định nhà nước mà chưa ghi ra thì đương nhiên hai bên phải chấp hành.

Mọi sửa đổi và bổ sung của hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản.

7.2 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được tự động gia hạn nếu hai bên không có ý kiến về việc thanh lý hợp đồng.

7.3 Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Như Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



Phạm Thị Thanh





SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0111010204

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 07 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC BẢO HOÀNG GIA - ORGANICS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORGANICS - BAO HOANG GIA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ORGANICS - BAO HOANG GIA PHARMACEUTICAL

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 17 ngõ 18 Đường Cống Tây, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973746986

Số Fax:

Thư điện tử: *ms2021vn@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM NHƯ HÙNG	Việt Nam	Số 17, ngõ 18 đường Công Tây, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	969.000.000	51,000	001086042338	
2	HÀ THẾ ANH	Việt Nam	Tiểu khu 8, Xã Mai Sơn, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	931.000.000	49,000	014076011838	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHẠM NHƯ HÙNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 06/09/1986

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001086042338

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 17, ngõ 18 đường Công Tây, Xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: HÀ THẾ ANH

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 17/08/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 014076011838

Chức danh: Phó Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Tiểu khu 8, Xã Mai Sơn, Tỉnh Sơn La, Việt Nam



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Anh Đức